

TÊN

NGÀY

TIẾT HỌC

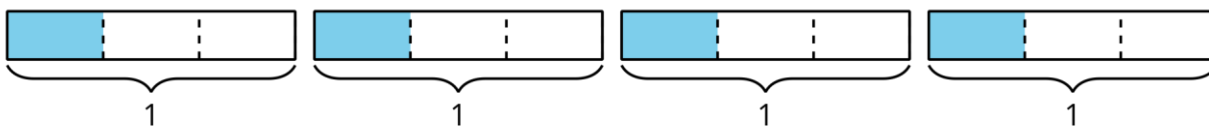
## Tài liệu Hỗ trợ Gia đình

### Thương số dưới dạng phân số và phép nhân phân số

Trong bài học này, học sinh giải các bài toán liên quan đến phép chia số nguyên với đáp án là phân số (có thể ở dạng hỗn số). Học sinh phát triển hiểu biết về phân số bằng cách chia tử số cho mẫu số, tức là  $a \div b = \frac{a}{b}$ . Sau đó, các em giải các bài toán liên quan đến phép nhân một số nguyên với một phân số hoặc hỗn số.

#### Phần A: Thương số dưới dạng phân số

Trong phần này, học sinh học được rằng phân số là thương số và có thể được hiểu là phép chia của tử số cho mẫu số. Học sinh vẽ và phân tích các sơ đồ băng thể hiện các tình huống chia. Thông qua bối cảnh chia 1 đầu tiên, sau đó chia số lớn hơn 1, rồi chia một số thứ với ngày càng nhiều người, học sinh nhận ra quy luật và bắt đầu hiểu kiến thức khái quát  $\frac{a}{b} = a \div b$ . Ví dụ: học sinh sử dụng sơ đồ bên dưới để thể hiện 4 đồ vật được chia đều cho 3 người, hoặc  $4 \div 3$ , cũng có thể được viết dưới dạng phân số,  $\frac{4}{3}$ .



#### Phần B: Phân số của số nguyên

Trong phần này, học sinh tạo mối liên hệ giữa phép nhân và phép chia và sử dụng các hình thức trình bày trực quan có thể thể hiện cả hai phép tính. Ví dụ: sơ đồ trên cũng có thể biểu thị 4 nhóm  $\frac{1}{3}$  hoặc  $4 \times \frac{1}{3}$ . Học sinh khám phá các cách tìm tích của một phân số và số nguyên mà các em hiểu và liên hệ tích với ngữ cảnh và sơ đồ. Học sinh sẽ nhân một số nguyên với một phân số,  $\frac{a}{b} \times q$ .

#### Phần C: Diện tích và độ dài cạnh dạng phân số

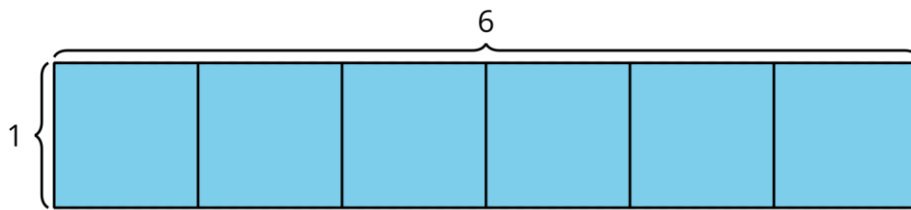
Trong phần này, học sinh sử dụng những kiến thức đã biết về diện tích hình chữ nhật có độ dài cạnh số nguyên để tính diện tích hình chữ nhật có độ dài cạnh số nguyên và chiều dài cạnh dạng phân số.

Biểu thức  $6 \times 1$  biểu thị diện tích hình chữ nhật là 6 đơn vị x 1 đơn vị.

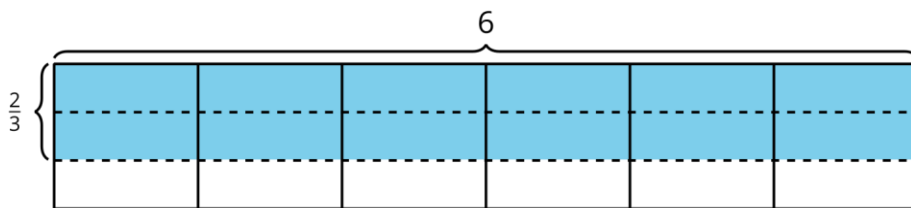
TÊN

NGÀY

TIẾT HỌC

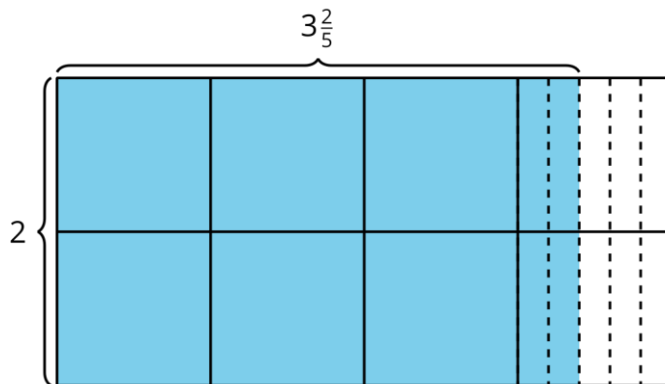


Theo cách tương tự,  $6 \times \frac{2}{3}$  biểu thị diện tích hình chữ nhật có 6 đơn vị  $\times \frac{2}{3}$  đơn vị.



Ngoài ra, học sinh thấy rằng các biểu thức  $6 \times \frac{2}{3}$ ,  $6 \times 2 \times \frac{1}{3}$  và  $12 \times \frac{1}{3}$  đều có thể biểu thị diện tích của cùng một sơ đồ này.

Học sinh phân tích các sơ đồ trong đó chiều dài một cạnh là hỗn số, ví dụ như hình chữ nhật có kích thước  $2 \times 3\frac{2}{5}$ . Học sinh tách vùng tô bóng để thấy đơn vị số nguyên và đơn vị phân số.



Để tìm diện tích được biểu thị bằng sơ đồ này, học sinh có thể thấy hai hình chữ nhật: một hình chữ nhật có kích thước 2 đơn vị  $\times$  3 đơn vị và một hình chữ nhật có kích thước 2 đơn vị  $\times \frac{2}{5}$  đơn vị. Mặc dù học sinh có thể nhận thấy rằng diện tích có thể được biểu diễn dưới dạng  $2 \times 3\frac{2}{5}$ , nhưng học sinh nhìn hình chữ nhật đã phân chia có thể viết  $(2 \times 3) + (2 \times \frac{2}{5})$  để tìm diện tích.

TÊN

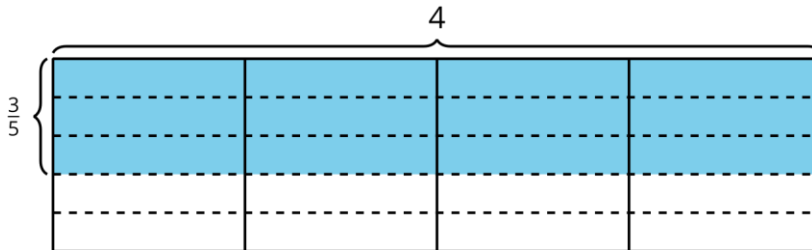
NGÀY

TIẾT HỌC

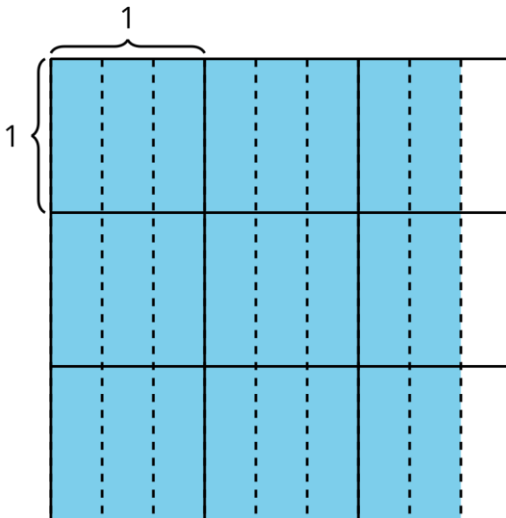
### Thực hành tại nhà!

Gần cuối bài học, hãy hỏi học sinh những câu hỏi sau:

- Viết càng nhiều biểu thức càng tốt để thể hiện sơ đồ này:



- Diện tích hình chữ nhật sau đây là bao nhiêu?



Các câu hỏi có thể hữu ích khi học sinh làm toán:

- Hai bài toán này giống nhau như thế nào? Chúng khác nhau như thế nào?
- Biểu thức của con thể hiện sơ đồ như thế nào?
- Con đã chia hình chữ nhật như thế nào để có thể tìm được toàn bộ diện tích?
- Độ dài cạnh của hình chữ nhật là bao nhiêu?



---

TÊN

NGÀY

TIẾT HỌC

Bản quyền © CC BY 2021 của Illustrative Mathematics®